

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ XÂY DỰNG

Số: 03 /TB-SXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 01 năm 2021

THÔNG BÁO
TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP QUY

Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số 01/CBHQ/NHL ngày 30/12/2020 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngân Hà Lê, địa chỉ: Tổ 8, Ấp Phước Hòa, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (số biên nhận 000.00.14.H19-210106-0005 ngày 06/01/2021 của Bộ phận tiếp nhận hồ sơ – Sở Xây dựng - Trung tâm hành chính công tỉnh, ngày hẹn trả: 13/01/2021) cho sản phẩm:

- **Tên sản phẩm:** Gạch gốm ốt lát
- **Kiểu loại:** gạch ép bán khô, lát nền đã tráng men, độ hút nước nhóm BIII (E>10%).
- Nhà sản xuất: Guangdong Shenghui Ceramics Co.,LTD/ Trung Quốc

STT	Mã hàng	Kích thước (cm)	Số lượng (m ²)
1	Gạch lát nền đã tráng men XYB612035-A	60x120 (cm)	636,48
2	Gạch lát nền đã tráng men TX12603A	60x120 (cm)	442,08



- Công ty nhập khẩu: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngân Hà Lê
- + Địa chỉ trụ sở: Tổ 8, Ấp Phước Hòa, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai;

- Thuộc lô hàng nhập khẩu theo khai báo:

- + Hợp đồng: HC-VI20201118 ngày 18/11/2020.
- + Hóa đơn số: HC-VI20201118 ngày 18/11/2020.
- + Vận đơn số: CMZ0467852 ngày 01/12/2020.
- + Tờ khai nhập khẩu số: 103719980451 ngày 18/12/2020.
- + Cửa khẩu nhập khẩu: Cảng Cát Lái (HCM).
- + Thời gian nhập khẩu: 18/12/2020.

- Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2019/BXD ban hành theo Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng.

- **Phương thức chứng nhận:** Phương thức 7 (Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012) theo Giấy Chứng nhận số 20.13585-QC16.7/TTP kèm theo Quyết định số 20.13585-QC16.7/TTP ngày 29/12/2020 của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP (kèm theo phiếu Kết quả thí nghiệm số 000.000.001 ngày 28/12/2020);

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngân Hà Lê. Thông báo này không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngân Hà Lê phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH TN-DV Ngân Hà Lê;
- TTHCC tỉnh;
- UBND huyện Long Thành (để biết);
- BGĐ SXD;
- Văn phòng sở (đăng lên trang TTĐT);
- Lưu: VT, QLCLXD.Nam



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số: 01/CBHQ/NHL

Tên tổ chức: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngân Hà Lê

Địa chỉ: Tổ 8, Ấp Phước Hòa, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0933.33235

CÔNG BỐ

Tên sản phẩm: Gạch lát nền đã tráng men

Kiểu loại: Gạch gốm ốp lát ép bán khô (Nhóm B) Phụ lục E Thông tư số 19/2019/TT-BXD

Kích thước: 60x120 (cm)

Nhà sản xuất: Guangdong Shenghui Ceramics Co.,LTD/ Trung Quốc

Thuộc bộ hồ sơ nhập khẩu:

Số hợp đồng: HC-VI20201118 Ngày 18/11/2020

Số hóa đơn: HC-VI20201118 Ngày 18/11/2020

Số vận đơn: CMZ0467852 Ngày 01/12/2020

Số tờ khai: 103719980451 Ngày 18/12/2020

Cửa nhập khẩu: Cảng Cát Lái (HCM)

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 16:2019/BXD

Căn cứ công bố hợp quy:

- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Giấy chứng nhận hợp quy số 20.13585-QC16.7/TTP cấp ngày 29/12/2020 có giá trị cho lô hàng hóa của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP.

Loại hình đánh giá:

- Tổ chức chứng nhận đánh giá (bên thứ ba): Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP (Quyết định số 964/QĐ-BXD ngày 24/07/2020 của Bộ Xây dựng).

Phương thức đánh giá sự phù hợp: Theo phương thức 7.

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngân Hà Lê cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm do đơn vị nhập khẩu, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng.

Đồng Nai, ngày 30 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP
TTP CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY



GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: 20.13585-QC16.7/TTP

Ngày: 29/12/2020

Chứng nhận sản phẩm:

GẠCH LÁT NỀN ĐÃ TRÁNG MEN

STT	Quy cách	Số lượng	Xuất xứ
1	Gạch lát nền đã tráng men XYB612035-A Có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng Kích thước : 60x120 (Cm) , hàng mới 100%	636,48 m ²	China/ Guangdong Shenghui Ceramics Co.,LTD
2	Gạch lát nền đã tráng men TX12603A Có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng Kích thước : 60x120 (Cm), hàng mới 100%	442,08 m ²	China/ Guangdong Shenghui Ceramics Co.,LTD
3	Gạch lát nền đã tráng men MFP8135 Có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng Kích thước : 80x80 (Cm), hàng mới 100%	645,12 m ²	China/ Guangdong Shenghui Ceramics Co.,LTD
4	Gạch lát nền đã tráng men DG85123 Có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng Kích thước : 80x80 (Cm), hàng mới 100%	547,20 m ²	China/ Guangdong Shenghui Ceramics Co.,LTD

Thuộc bộ hồ sơ

Hợp đồng (Contract) số: HC-VI2020 1118 Ngày 18/11/2020

Hóa đơn (Invoice) số: HC-VI2020 1118 Ngày 18/11/2020

Vận đơn (Bill of Lading) số: CMZ0467852 Ngày 01/12/2020

Tờ khai hải quan số: 103719980451 Ngày 18/12/2020

Đơn vị nhập khẩu:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGÂN HÀ LÊ

Địa chỉ: Tổ 8, Ấp Phước Hòa, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai,
Việt Nam

Được Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP đánh giá chứng nhận phù hợp Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD.

Và được phép sử dụng dấu hợp quy (CR)



Phương thức chứng nhận: Phương thức 7

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ
GIÁM ĐỊNH TTP**

**CHỨNG NHẬN VÀ
GIÁM ĐỊNH
TTP**

GIÁM ĐỐC

Lê Hoàng Nhật Linh





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP
TTP CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG (LAS-XD 1794)
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 91C phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội.
VPGD Hà Nội: Số 25, nhà vườn 5, khu nhà ở Bộ Công An, Yên Xá, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội.
VPGD Hải Phòng: Phòng 501, tòa nhà số 23 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng.
VPGD Tp.HCM: Chung cư Phú Đạt 45D/26, D5, phường 25, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh.
Website: ttpcert.com.vn Email: ttp@ttpcert.com.vn Tel/Fax 0243 225 2618

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STN: 000.000.001

1. Thông tin do khách hàng cung cấp:

- Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGÂN HÀ LÊ
- Trụ sở: Tổ 8, Ấp Phước Hòa, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Tên mẫu: Gạch lát nền đã tráng men, có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng
- Kích thước: 60cm x 120cm
- Địa chỉ lấy mẫu: Cảng Cát Lái (HCM)
- Số tờ khai: 103719980451
- Mục đích TN: CHỨNG NHẬN HỢP QUY
- Số đăng ký: 20.13575-QC16.7/TTP

2. Thông tin phòng thử nghiệm cung cấp:

- Dụng cụ TN: Thiết bị kiểm tra độ hút nước, máy nén, uốn 50 kN, tủ sấy, cân điện tử 0,01g.
- Tiêu chuẩn TN: TCVN:6415:2016, TCVN 4732:2016
- Ngày nhận mẫu: 22/12/2020
- Ngày thử nghiệm: 22/12/2020
- Ngày báo cáo: 28/12/2020
- Mô tả mẫu thử: + Mẫu mẫu được bảo vệ chống chày sước, niêm phong
+ 10 viên gạch nguyên

3. Kết quả thử nghiệm, nhận xét:

NỘI DUNG

STT	CHỈ TIÊU THỬ	ĐƠN VỊ	PP. THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ TRUNG BÌNH	YÊU CẦU
1	Độ hút nước	%	TCVN 6415- 3:2016	11,52	> 10
2	Độ bền uốn	MPa	TCVN 6415- 4:2016	12,52	> 10
3	Hệ số giãn nở nhiệt dài (nhiệt độ PTN)	mm	TCVN 6415- 8:2016	7,25	< 9
4	Hệ số giãn nở ẩm	mm/m	TCVN 6415- 10:2016	0,35	< 0,6
5	Độ chịu mài mòn bề mặt	Cấp	TCVN 6415- 7:2016	III	I, II, III, IV

Nhận xét : Các chỉ tiêu trên phù hợp với **Gạch ốp lát ép bán khô** (thuộc nhóm B)

4. Những người thực hiện, chứng kiến:

Hà Nội ngày 28 Tháng 12 Năm 2020

THỬ NGHIỆM VIÊN

PHÒNG THỬ NGHIỆM

LAS XD-1794



LÊ TUẤN ANH

KS. NGUYỄN TRUNG VĂN



GD. LÊ HOÀNG NHẬT LINH

1. Thông tin mẫu thử do khách hàng cung cấp và gửi mẫu thử.

2. Kết quả trên chỉ có giá trị trên mẫu thử. Không được trích sao một phần kết quả khi không được sự đồng ý của phòng thử nghiệm LAS-XD 1794

COMMERCIAL CONTRACT

No.: HC-VI20201118

Date: NOV 18, 2020

Between: **CONG TY TNHH TM DV NGAN HAI LE – The Buyer**

Group 8, Phuoc Hoa Hamlet, Long Phuoc Commune, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam.

And: **FOSHAN XINCHEN TRADING CO., LTD– The seller**

P1-2.FIRST FLOOR,PUXIANG ROAD CHANCHENG DISTRICT FOSHAN
GUANGDONG CHINA.

It has been agreed that the Buyer buys and the Seller sells on the terms and conditions as follow:

1/ COMMODITY, SPECIFICATION, QUANTITY, UNIT PRICE, AMOUNT

No.	Description of Goods	QTY	Units price (USD/M2)	Total (USD)
1	GLAZED POLISHED TILES 60X120CM CODE: XYB612035-A	636.48	6.2	3,946.18
2	GLAZED POLISHED TILES 60X120CM CODE: TX12603A	442.08	6.2	2,740.90
3	GLAZED POLISHED TILES 80X80CM CODE: MFP8135	645.12	5.8	3,741.70
4	GLAZED POLISHED TILES 80X80CM CODE: DG85123	547.20	5.8	3,173.76
5	NANO WOOLEN PAD	500	0.68	340
	Total	2,270.88		13,942.53

2/ SPECIFICATION: As samples approved by both Parties.

3/ TOTAL AMOUNT: USD 13,942.53 C&F HOCHIMINH, VIETNAM.

In words: Thirteen thousand nine hundred and forty two dollars fifty three cents only.

4/ QUALITY : Brand new.

If in the process of transporting goods to Vietnam, but the goods are damaged. The two sides will set up a debt reconciliation. The deducted amount will be agreed by both parties based on the amount of damage incurred.

5/ PACKING : Standard export packing. Packing in container.



6/ DELIVERY : NOV. 2020 from Foshan Port, China to Cat Lai Port, Ho Chi Minh City, VN.

Partial shipment not allowed. Transhipment allowed.

7/ DOCUMENT PAYMENT: Sale contracts.

8/ PAYMENT : USD 4,768.85 of payment shall be made when the goods arrive at Cat Lai port in Viet Nam and the balance shall be paid within 90 days against B/L date.

Beneficiary's Bank: CHINA GUANGFA BANK CO., LTD

Bank's address: NO.188 TIANYOU THREE ROAD,NANHAI,FOSHAN CITY,
GUANGDONG, CHINA

Swift code: GDBKCN22

Beneficiary name: FOSHAN XINCHEN TRADING CO., LTD

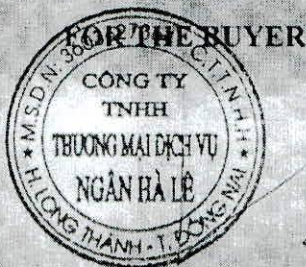
Account no : 9550880218135800108

9/ DOCUMENT SHIPMENT: Full set of bill of lading, Invoice, Packing list, C/O...

10/ ORIGIN : China.

11/ ARBITRATION : In the performance of the contract all disputes not reach an amicable agreement between the Buyer and the Seller shall be settled by the Vietnam International Arbitration Center attached to the Vietnam Chamber of Commercial and Industries – Hochiminh City branch. According to the rules of International Chamber of Commerce, whose awards shall be final and binding upon both parties.

Any amendment of this contract should be made in writing, with the agreement of both parties. This contract is made in Hochiminh City in 02 English copies. 01 for each with same value from the signing date.



Lê Văn Văn



FOSHAN XINCHEN TRADING CO., LTD
PI-2, FIRST FLOOR, PUXIANG ROAD CHANCHENG DISTRICT FOSHAN GUANGDONG CHINA

COMMERCIAL INVOICE

Invoice HC-VI20201118

NOV.18.2020

Consigned to Messrs.					MARKS & NOS.
CONG TY TNHH TM DV NGAN HA LE To 8, Ap Phuoc Hoa, Xa Long Phuoc, Huyen Long Thanh, Tinh Dong Nai					
FOSHAN XINCHEN TRADING CO., LTD					MADE IN CHINA
From : FOSHAN, CHINA			To: HOCHIMINH, VIETNAM		
Item No	Description of Goods	Quantity	Unit	Unit Price (USD)	Amount (USD)
				C&F	
1	GLAZED POLISHED TILES 60X120CM CODE: XYB612035 - A	636.48	M2	6.2	3,946.18
2	GLAZED POLISHED TILES 60X120CM CODE: TX12603A	442.08	M2	6.2	2,740.90
3	GLAZED POLISHED TILES 80X80CM CODE: MFP8135	645.12	M2	5.8	3,741.70
4	GLAZED POLISHED TILES 80X80CM CODE: DG85123	547.20	M2	5.8	3,173.76
5	NANO WOOLEN PAD	500.00	PCS	0.68	340.00
TOTAL:		2,770.88			13,942.53

TERMS OF PAYMENT USD : THIRTEEN THOUSAND NINE HUNDRED AND FORTY TWO DOLLARS FIFTY THREE CENTS ONLY.

PAYMENT BY : T/T
HS CODE : 690723; 560290



FOSHAN XINCHEN TRADING CO., LTD
PI-2, FIRST FLOOR, PUNXIANG ROAD CHANCHENG DISTRICT FOSHAN GUANGDONG CHINA

PACKING LIST

Packing list No:

HC-VI20201118

NOV.18.2020

Consigned to Messrs.							MARKS & NOS.
CONG TY TNHH TM DV NGAN HA LE							HC
To 8. Ap Phuoc Hoa, Xa Long Phuoc, Huyen Long Thanh, Tinh Dong Nai							
Shipper by: FOSHAN XINCHEN TRADING CO., LTD							
From : FOSHAN, CHINA				To: HOCHIMINH, VIETNAM			
Case No	Description of Goods	Boxes	Quantity	Unit	Net Weight KG	Gross Weight KG	CONTAINER & SEAL NO.
	GLAZED POLISHED TILES 60X120CM CODE: XYB612035 - A	442	636.48	M2	15,762.70	16,204.70	TCKU1057613 / Q0484452
	GLAZED POLISHED TILES 60X120CM CODE: TX12603A	307	442.08	M2	10,948.30	11,255.30	
	NANO WOOLEN PAD	10	500.00	PCS	50.00	50.00	
	GLAZED POLISHED TILES 80X80CM CODE: MFP8135	336	645.12	M2	14,835.40	15,171.40	TRHU13236473 / P3830786
	GLAZED POLISHED TILES 80X80CM CODE: DG85123	285	547.20	M2	12,583.60	12,868.60	
			2,770.88		54,180.00	55,550.00	2X20'

SAY TOTAL:



SHIPPER FOSHAN XINCHEN TRADING CO., LTD. P1-2, FIRST FLOOR, PUXIANG ROAD CHANCHENG DISTRICT FOSHAN GUANGDONG CHINA		BILL OF LADING		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="text-align: center;">VOYAGE NUMBER</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">0AR23S1NC</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">BILL OF LADING NUMBER</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">CMZ0467852</td> </tr> </table>		VOYAGE NUMBER	0AR23S1NC	BILL OF LADING NUMBER	CMZ0467852
VOYAGE NUMBER									
0AR23S1NC									
BILL OF LADING NUMBER									
CMZ0467852									
CONSIGNEE CONG TY TNHH TM DV NGAN HALE TO 8, AP PHUOC HOA, XA LONG PHUOC, HUYEN LONG THANH, TINH DONG NAI. CONTACT: LE VAN VAN TEL: 0982393507 **		EXPORT REFERENCES 32011251124890							
NOTIFY PARTY , Carrier not to be responsible for failure to notify SAME AS CONSIGNEE									
CARRIER: CMA CGM Asia Shipping Pte. Ltd. Head Office: #14-01 The Metropolis, Tower 1 9 North Buona Vista Drive, Singapore 138588 Tel: (65) 6278 9000 - Fax: (65) 6278 4900									
PRE CARRIAGE BY*		PLACE OF RECEIPT*		FREIGHT TO BE PAID AT					
				SHENZHEN					
VESSEL		PORT OF LOADING		PORT OF DISCHARGE					
APL JEDDAH		SHEKOU, CHINA		HOCHIMINH CATLAI, VIETNAM					
				NUMBER OF ORIGINAL BILLS OF LADING					
				ONE (1)					
				FINAL PLACE OF DELIVERY*					

MARKS AND NOS CONTAINER AND SEALS		NO AND KIND OF PACKAGES		DESCRIPTION OF PACKAGES AND GOODS AS STATED BY SHIPPER SHIPPER'S LOAD STOW AND COUNT SAID TO CONTAIN					
				GROSS WEIGHT CARGO					
				TARE					
				MEASUREMENT					
				KGS KGS CBM					
TRHU3236473 SEAL P3830786		1 x 20ST 621 CARTONS		28040.000 2180 20.000					
TCKU1057613 SEAL Q0484452		1 x 20ST 759 CARTONS		27510.000 2100 20.000					
N/M		GLAZED POLISHED TILES HS CODE: 690723 NANO WOOLEN PAD HS CODE: 560290 **TRADE REGISTER NUMBER: 3603627364 FREIGHT PREPAID 2 X 20ST 1380 CARTONS SAY ONE THOUSAND THREE HUNDRED EIGHTY CARTONS DISCHARGE PORT AGENT: CMA CGM VIETNAM JSC NO 81-85 HAM NGHI STREET, Continued on Next Sheet							
Sheet 1 of 2									
ADDITIONAL CLAUSES									
In the event that this Bill of Lading is a Paperless Bill of Lading, it shall be governed by the Terms and Conditions available on the CNC website (www.cnc-line.com) which the Merchant has read and accepted. The delivery of the cargo carried under a Paperless Bill of Lading shall be made to the Consignee after the Paperless Bill of Lading has been surrendered to the Carrier on the eBusiness platform and after payment of any outstanding Freight and charges. Said to contain Shippers stow, load and count Demurrage and detention payable by the Merchant as per the Carrier's tariff available on the web site www.cnc-line.com, or in any of his agency For the purpose of the present carriage, clause 14(2) shall exclude the application of the York/Antwerp rules, 2004 The shipper acknowledges that the Carrier is authorized to carry the goods identified in this bill of lading on the deck of any vessel and in taking remittance of this bill of lading the Merchant (including the shipper, the consignee and the holder of the bill of lading, as the case may be) confirms his express acceptance of all the terms and conditions of this bill of lading and expressly confirms his unconditional and irrevocable consent to the carriage of the goods on the deck of any vessel Mis-declaration of cargo weight endangers crew, port workers and vessels' safety. Your cargo may be weighed at any place and time of carriage and any mis-declaration will expose you to claims for all losses, expenses or damages whatsoever resulting thereof and be subject to freight surcharge Following the exceptional measures adopted by various governments in relation with the outbreak of COVID-19 virus and the operational constraints resulting thereof, the Merchants are hereby notified that the carriage of cargo may be disrupted or delayed. Cargo may not be loaded on the intended vessel and may be on forwarded to the port of destination on any alternative vessel at Carrier's sole discretion. Furthermore in case of disruption of ports' operations, the cargo may be discharged in an alternative port without notice and - subject to availability - be on forwarded to the original intended port of destination. Carrier reserve its rights to accomplish the bill of lading in any alternative port. All additional costs, including but not limited to storage, demurrage, plugging, monitoring at the alternative discharge port or extra on forwarding costs, shall be on Merchant's account and payable before delivery and the carrier shall have no liability whatsoever for any loss or damage resulting therefrom If the Pre-Carriage of Onward Carriage boxes are filled out, shipment will be treated as Through Combined Transport. Carrier undertakes entire transport from place where the goods are taken in charge to the place designated for their delivery and assumes full liability for such transport as per clause 6 of this B/L. RECEIVED by the carrier from the shipper in apparent good order and condition (unless otherwise noted herein) the total number or quantity of Containers or other packages or units indicated above stated by the shipper to comprise the cargo specified above for transportation subject to all the terms hereof from the place of receipt or the port of loading, whichever is applicable, to the port of discharge or the place of delivery, whichever is applicable. Delivery of the Goods will only be made on payment of all Freight and charges. On presentation of this document (duly endorsed) to the Carrier, by or on behalf of the holder, the rights and liabilities arising in accordance with the terms hereof shall (without prejudice to any rule of common law or statutes rendering them binding upon the shipper, holder and carrier) become binding in all respects between the Carrier and Holder as though the contract contained herein or evidenced hereby had been made between them. In witness whereof three (3) original Bills of Lading, unless otherwise stated above, have been issued. In the event one of which is accomplished, the others shall be void.									
PLACE AND DATE OF ISSUE SHENZHEN 01 DEC 2020		SIGNED FOR THE CARRIER CMA CGM Asia Shipping Pte. Ltd. BY CMA CGM SHENZHEN as agents for the carrier CMA CGM Asia Shipping Pte. Ltd.							
SIGNED FOR THE SHIPPER *APPLICABLE ONLY WHEN THIS DOCUMENT IS USED AS A COMBINED TRANSPORT BILL OF LADING									



BILL OF LADING

VOYAGE NUMBER
0AR23S1NC
BILL OF LADING NUMBER
CMZ0467852

PRE CARRIAGE BY*		PLACE OF RECEIPT*		FREIGHT TO BE PAID AT		NUMBER OF ORIGINAL BILLS OF LADING		
				SHENZHEN		ONE (1)		
VESSEL		PORT OF LOADING		PORT OF DISCHARGE		FINAL PLACE OF DELIVERY*		
APL JEDDAH		SHEKOU, CHINA		HOCHIMINH CATLAI, VIETNAM		*****		
MARKS AND NOS	NO AND KIND	DESCRIPTION OF PACKAGES AND GOODS AS STATED BY SHIPPER				GROSS WEIGHT	TARE	MEASUREMENT
CONTAINER AND SEALS	OF PACKAGES	SHIPPER'S LOAD STOW AND COUNT SAID TO CONTAIN				CARGO		

KGS KGS CBM

NGUYEN THAI BINH WARD, DISTRICT 1,
(RUBY TOWER, 8TH FLOOR)
HO CHI MINH CITY
VIET NAM
TEL: 0084-8-39148400 FAX: 0084-8-39151716

Shipped on Board APL JEDDAH 01-DEC-2020 . As agents for the
Carrier

Weight in Kgs Total: 2 CONTAINER(S) Continued From Previous Sheet Sheet 2 of 2 55550.000 4280 40.000
SHIPPER'S DECLARED VALUE
SUBJECT TO EXTRA FREIGHT AS PER TARIFF AND CLAUSE 8 OF THIS B/L

PLACE AND DATE OF ISSUE SHENZHEN 01 DEC 2020

SIGNED FOR THE SHIPPER
*APPLICABLE ONLY WHEN THIS DOCUMENT IS USED AS A COMBINED
TRANSPORT BILL OF LADING

SIGNED FOR THE CARRIER CMA CGM Asia Shipping Pte. Ltd.
BY CMA CGM SHENZHEN
as agents for the carrier CMA CGM Asia Shipping Pte. Ltd.

Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu (cơ quan Hải quan thực hiện)

Số tờ khai **103719980451** Số tờ khai đầu tiên / 
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **2** Mã loại hình **A12 2 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **6907**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **CTHANHBP** Mã bộ phận xử lý tờ khai **01**
 Ngày đăng ký **18/12/2020 14:20:14** Ngày thay đổi đăng ký **18/12/2020 15:56:21** Thời hạn tái nhập/ tái xuất **/ /**

Người nhập khẩu

Mã **3603627364**
 Tên **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGÂN HÀ LÊ**
 Mã bưu chính **(+84) 43**
 Địa chỉ **Tổ 8, Ấp Phước Hòa, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
 Số điện thoại **3603627364**
 Người ủy thác nhập khẩu
 Mã
 Tên

Người xuất khẩu

Mã
 Tên **FOSHAN XINCHEN TRADING CO., LTD.**
 Mã bưu chính
 Địa chỉ **P1-2, FIRST FLOOR, PUXIANG ROAD CHANCHENG DISTRICT FOSHAN GUANGDONG CHINA**
 Mã nước **CN**

Người ủy thác xuất khẩu**Đại lý Hải quan****Mã nhân viên Hải quan**

Số vận đơn	Địa điểm lưu kho	02CIS01	TONG CTY TAN CANG SG
1 011220CMZ0467852	Địa điểm dỡ hàng	VNCLI	CANG CAT LAI (HCM)
2	Địa điểm xếp hàng	CNSHK	SHEKOU
3	Phương tiện vận chuyển		
4		9999	APL JEDDAH 0AR23S1NC
5	Ngày hàng đến	03/12/2020	
Số lượng	Ký hiệu và số hiệu		
1.380 CT			
Tổng trọng lượng hàng (Gross)	Ngày được phép nhập kho đầu tiên		
55.550 KGM	Mã văn bản pháp quy khác	NH	
Số lượng container			
2			

Số hóa đơn **A - HC-YI20201118**

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành **18/11/2020**Phương thức thanh toán **KC**Tổng trị giá hóa đơn **A - C&F - USD -****13.942,528**

Tổng trị giá tính thuế

321.235.845,12

Tổng hệ số phân bổ trị giá

13.942,528 -

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu

1 NH02 - 20.13575-QC16.7/TTP	2 -	3 -
4 -	5 -	

Mã phân loại khai trị giá **6**

Khai trị giá tổng hợp

Các khoản điều chỉnh

Phí vận chuyển

Phí bảo hiểm

Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ
--------	--------------	--------------------------	--------------------

1 -	-	-	
2 -	-	-	
3 -	-	-	
4 -	-	-	
5 -	-	-	

Chi tiết khai trị giá

Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 20.13575-QC16.7/TTP ngày 10/12/2020.

Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng				
1 N Thuế NK	110.630.818	VND	5	Tổng tiền thuế phải nộp	153.817.484	VND
2 V Thuế GTGT	43.186.666	VND	5	Số tiền bảo lãnh		VND
3		VND		Tỷ giá tính thuế	USD	23.040
4		VND				
5		VND				
6		VND		Mã xác định thời hạn nộp thuế	D	Người nộp thuế
				Mã lý do đề nghị BP		Phân loại nộp thuế
						A

Tổng số trang của tờ khai	7	Tổng số dòng hàng của tờ khai	5
---------------------------	---	-------------------------------	---



Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu (cơ quan Hải quan thực hiện)

Số tờ khai **103719980451** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A12 2 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 6907
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CTHANHBP Mã bộ phận xử lý tờ khai 01
 Ngày đăng ký 18/12/2020 14:20:14 Ngày thay đổi đăng ký 18/12/2020 15:56:21 Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /
 Số đính kèm khai báo điện tử 1 - 2 - 3 -
 Phần ghi chú PTTT : T/T; DVCBT:61PACPA .TDVC : CL - BINH PHUOC

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp Số quản lý người sử dụng 00007
 Phân loại chỉ thị của Hải quan B

	Ngày	Tên	Nội dung
1	18/12/2020	DUA HANG VE BAO QUAN	DN DUA HANG VE BAO QUAN CHO KQ KIEM TRA CHUYEN NGANH
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

Mục thông báo của Hải quan

Ngày khai báo nộp thuế / /
 Tổng số tiền thuế chậm nộp

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)

	Địa điểm	Ngày đến	Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1	/ /	/ /
	2	/ /	/ /
	3	/ /	/ /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế			

Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu (cơ quan Hải quan thực hiện)

Số tờ khai **103719980451** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **2** Mã loại hình **A12 2 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **6907**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **CTHANHBP** Mã bộ phận xử lý tờ khai **01**
 Ngày đăng ký **18/12/2020 14:20:14** Ngày thay đổi đăng ký **18/12/2020 15:56:21** Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

<01>

Mã số hàng hóa **69072393** Mã quản lý riêng
 Mô tả hàng hóa **Gạch lát nền đã tráng men, có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng XYB612035-A, Kích thước : 60x120CM, hàng mới 100%** Mã phân loại tái xác nhận giá []

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	636,48	MTK
Trị giá hóa đơn 3.946,176	Số lượng (2)	636,48	MTK
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	6,2 - USD	MTK
Trị giá tính thuế (S) 90.919.895,04 VND	Trị giá tính thuế (M)	-	
Số lượng tính thuế	Đơn giá tính thuế	142.848 - VND	MTK
Thuế suất A 35%	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế 31.821.963,264 VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B01	
Số tiền miễn giảm VND	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	122.741.858,304	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	12.274.186	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

3627.

ĐONC

TNE

NG MẠ

TÂN B

ANH -

<IMP>

Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu (cơ quan Hải quan thực hiện)

Số tờ khai **103719980451** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A12 2 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 6907
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CTHANHBP Mã bộ phận xử lý tờ khai 01
 Ngày đăng ký 18/12/2020 14:20:14 Ngày thay đổi đăng ký 18/12/2020 15:56:21 Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

<02>

Mã số hàng hóa 69072393 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá []
 Mô tả hàng hóa Gạch lát nền đã tráng men, có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng TX12603A, Kích thước : 60x120CM, hàng mới 100%

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	442,08	MTK
Trị giá hóa đơn 2.740,896	Số lượng (2)	442,08	MTK
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	6,2 - USD	MTK
Trị giá tính thuế (S) 63.150.243,84 VND	Trị giá tính thuế (M)	-	
Số lượng tính thuế	Đơn giá tính thuế	142.848 - VND	MTK
Thuế suất A 35% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế 22.102.585,344 VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B01	
Số tiền miễn giảm VND	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế 85.252.829,184 VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất 10%	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế 8.525.283 VND	
	Số tiền miễn giảm VND	
2	Tên	Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế VND	
	Số tiền miễn giảm VND	
3	Tên	Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế VND	
	Số tiền miễn giảm VND	
4	Tên	Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế VND	
	Số tiền miễn giảm VND	
5	Tên	Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế VND	
	Số tiền miễn giảm VND	

Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu (cơ quan Hải quan thực hiện)

Số tờ khai **103719980451** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A12 2 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 6907
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CTHANHPB Mã bộ phận xử lý tờ khai 01
 Ngày đăng ký 18/12/2020 14:20:14 Ngày thay đổi đăng ký 18/12/2020 15:56:21 Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

<03>

Mã số hàng hóa 69072393 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá []
 Mô tả hàng hóa Gạch lát nền đã tráng men, có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng MFP8135, Kích thước : 80x80CM, hàng mới 100%

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	645,12	MTK
Trị giá hóa đơn 3.741,696	Số lượng (2)	645,12	MTK
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	5,8 - USD	MTK
Trị giá tính thuế (S) 86.208.675,84 VND	Trị giá tính thuế (M)	-	
Số lượng tính thuế	Đơn giá tính thuế	133.632 - VND	MTK
Thuế suất A 35%	Mã áp dụng thuế tuyệt đ		
Số tiền thuế 30.173.036,544 VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B01	
Số tiền miễn giảm VND	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế 116.381.712,384 VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất 10%	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế 11.638.171 VND	
	Số tiền miễn giảm VND	
2	Tên	Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế VND	
	Số tiền miễn giảm VND	
3	Tên	Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế VND	
	Số tiền miễn giảm VND	
4	Tên	Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế VND	
	Số tiền miễn giảm VND	
5	Tên	Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế VND	
	Số tiền miễn giảm VND	

TY
H
KH
LE
ĐƠN

<IMP>

6/7

Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu (cơ quan Hải quan thực hiện)

Số tờ khai **103719980451** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra ² Mã loại hình A12 2 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 6907
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CTHANHBP Mã bộ phận xử lý tờ khai 01
 Ngày đăng ký 18/12/2020 14:20:14 Ngày thay đổi đăng ký 18/12/2020 15:56:21 Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

<04>

Mã số hàng hóa 69072393 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá []
 Mô tả hàng hóa Gạch lát nền đã tráng men, có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng DG85123, Kích thước : 80x80CM, hàng mới 100%

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	547,2	MTK
Trị giá hóa đơn 3.173,76	Số lượng (2)	547,2	MTK
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	5,8 - USD	MTK
Trị giá tính thuế (S) 73.123.430,4 VND	Trị giá tính thuế (M)	-	
Số lượng tính thuế	Đơn giá tính thuế	133.632 - VND	MTK
Thuế suất A 35% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế 25.593.200,64 VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B01	
Số tiền miễn giảm VND	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế 98.716.631,04 VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất 10%	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế 9.871.663 VND	
	Số tiền miễn giảm VND	
2	Tên	Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế VND	
	Số tiền miễn giảm VND	
3	Tên	Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế VND	
	Số tiền miễn giảm VND	
4	Tên	Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế VND	
	Số tiền miễn giảm VND	
5	Tên	Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế VND	
	Số tiền miễn giảm VND	

<IMP>

7/7

Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu (cơ quan Hải quan thực hiện)

Số tờ khai **103719980451** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **2** Mã loại hình **A12 2 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **6907**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **CTHANHBP** Mã bộ phận xử lý tờ khai **01**
 Ngày đăng ký **18/12/2020 14:20:14** Ngày thay đổi đăng ký **18/12/2020 15:56:21** Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

<05>

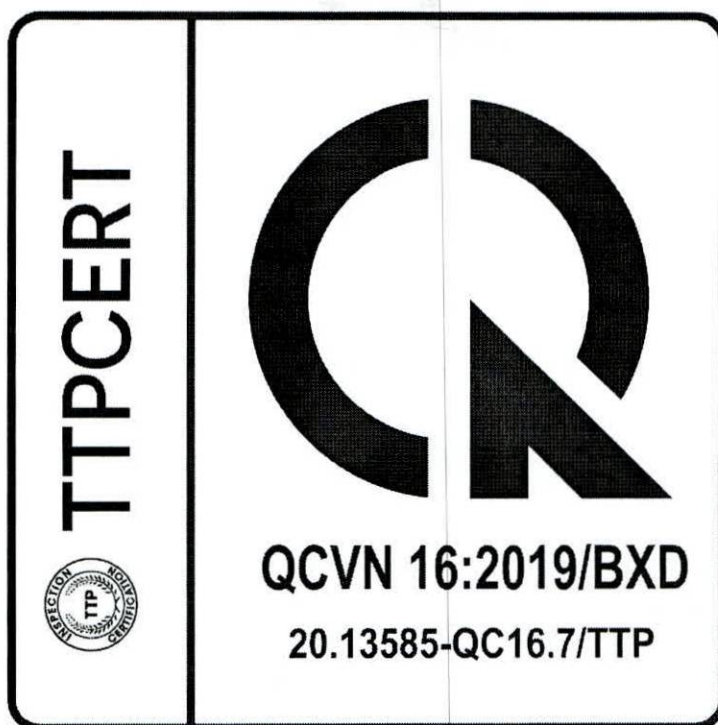
Mã số hàng hóa **56029000** Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá []
 Mô tả hàng hóa **Bánh mại bóng gạch bằng ní phi 18CM, hàng mới 100%**

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	500	PCE
Trị giá hóa đơn 340	Số lượng (2)	90	MTR
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	0,68 - USD	PCE
Trị giá tính thuế (S) 7.833.600 VND	Trị giá tính thuế (M)	-	
Số lượng tính thuế	Đơn giá tính thuế	15.667,2 - VND	PCE
Thuế suất A 12%	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế 940.032 VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B01	
Số tiền miễn giảm VND	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	8.773.632 VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	877.363 VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất	VND		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất	VND		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất	VND		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất	VND		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		





Mẫu dấu hợp quy



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3603627364

Đăng ký lần đầu: ngày 04 tháng 03 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 14 tháng 03 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGÂN HÀ LÊ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH TM DV NGÂN HÀ LÊ

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ 8, ấp Phước Hòa, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0933.343235

Fax:

Email: vanlv1202@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ 1.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LÊ VĂN VÂN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/02/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 183416123

Ngày cấp: 14/10/2015

Nơi cấp: CA. Hà Tĩnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 9, Trường Xuân, Xã Thạch Đình, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 8, Ấp Phước Hòa, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty



* Họ và tên: LÊ VĂN VÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Sinh ngày: 12/02/1986 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 183416123

Ngày cấp: 14/10/2015 Nơi cấp: CA. Hà Tĩnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 9, Trường Xuân, Xã Thạch Đình, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 8, Ấp Phước Hòa, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

